

Bản án số: 23/2023/DS-PT
Ngày: 16-01-2023
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

- Ông Dương Ngọc Thành.
- Ông Trần Trọng Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện W bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 526/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn A, sinh năm 1975.

1.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ B, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp Phước Dân, xã Phước X, huyện Y, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh E, sinh năm 1995 (văn bản uỷ quyền ngày 09/01/2023).

Địa chỉ: Số 212 Khu phố 2, thị trấn Z, huyện W, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Hoàng C, sinh năm 1969.

2.2. Bà Lâm Thị D, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số 251 ấp 6, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hòa Bình – Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Nguyễn Thị Quyền F (tên tham gia hội F Linh), sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

3.2. Bà Huỳnh Thị Lan H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

3.3. Bà Nguyễn Thị K (tên tham gia hội C1), sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp Phước Dân, xã Phước X, huyện Y, tỉnh Tây Ninh.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh L (tên tham gia hội Út L), sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp Hoà Bình, xã U, huyện Y, tỉnh Tây Ninh.

3.5. Bà Hà Ngọc M (tên tham gia hội Bác Nc), sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Phước Đông, xã Phước X, huyện Y, tỉnh Tây Ninh.

3.6. Bà Võ Thị O (tên tham gia hội Thủy To), sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Phước Dân, xã Phước X, huyện Y, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D.

(Bà E, ông C, bà D, Luật sư Bình có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B do bà Huỳnh Thị Tứ Nhi đại diện tại cấp sơ thẩm trình bày: Ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B là chủ thảo hội, vợ chồng ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D tham gia góp hội, cụ thể như sau:

- Hội mở ngày 26/7/2019 (AL), loại hội: 10.000.000 đồng/tháng, 01 tháng khai hội 01 lần, gồm 21 phần, hội mãi ngày 26/02/2021. Trong đó, ông C và bà D có tham gia 01 phần, đã đóng 4 kỳ, cụ thể:

+ Kỳ 01 đến kỳ 04 (tháng 7/2019 đến tháng 10/2019): 04 kỳ x 8.650.000 đồng x 01 phần = 34.600.000 đồng.

+ Kỳ 5 (tháng 11/2019): Ông C và bà D hót 01 phần hội, cụ thể: (8.650.000 đồng x 16 phần hội sống) + (10.000.000 đồng x 04 phần hội chết) = 178.000.000 đồng.

+ Kỳ 06 đến kỳ 07 (tháng 12/2019 đến tháng 01/2020), ông C và bà D tiếp tục đóng hội: 10.000.000 đồng x 02 kỳ x 01 phần = 20.000.000 đồng.

+ Kỳ 08 đến kỳ 21 (tháng 02/2020 đến tháng 02/2021): ông C và bà D không tiếp tục đóng hội nữa, cụ thể số tiền chưa đóng là: 10.000.000 đồng x 14 kỳ x 01 phần = 140.000.000 đồng.

- Hội mở ngày 24/9/2019 (AL), loại hội: 10.000.000 đồng/tháng, 01 tháng khai hội 01 lần, gồm 24 phần, hội mãi ngày 24/7/2021. Trong đó, ông C và bà D có tham gia 02 phần, đã đóng 04 kỳ, cụ thể:

+ Kỳ 01 đến kỳ 04 (tháng 9/2019 đến tháng 12/2019): 04 kỳ x 8.000.000 đồng x 02 phần = 64.000.000 đồng.

+ Kỳ 05 (tháng 01/2020) ông C và bà D hót 02 phần hội, cụ thể:

((8.000.000 đồng x 19 phần hội sống) + (10.000.000 đồng x 04 phần hội chết)) x 02 phần = 384.000.000 đồng.

+ Kỳ 06 đến kỳ 24 (tháng 02/2020 đến tháng 7/2021): Ông C và bà D không tiếp tục đóng hội nữa, cụ thể số tiền chưa đóng là: (10.000.000 đồng x 19 kỳ) x 02 phần = 380.000.000 đồng.

- Hội mở ngày 15/11/2019 (AL), loại hội: 10.000.000 đồng/tháng, 01 tháng khai hội 01 lần, gồm 23 phần, hội mãn ngày 15/8/2021. Trong đó, ông C và bà D có tham gia 01 phần, đã đóng 02 kỳ, cụ thể:

+ Kỳ 01 đến kỳ 02 (tháng 11/2019 đến tháng 12/2019): 02 kỳ x 8.400.000 đồng x 01 phần = 16.800.000 đồng.

+ Kỳ 03 (tháng 01/2020) ông C và bà D hót 01 phần hội, cụ thể: (8.400.000 đồng x 20 phần hội sống) + (10.000.000 đồng x 02 phần hội chết) = 188.000.000 đồng.

+ Kỳ 04 đến kỳ 23 (tháng 02/2020 đến tháng 8/2021), ông C và bà D không tiếp tục đóng hội nữa, cụ thể số tiền chưa đóng là: 10.000.000 đồng x 20 kỳ x 01 phần = 200.000.000 đồng.

- Hội mở ngày 18/11/2019 (AL), loại hội: 10.000.000 đồng/tháng, 01 tháng khai hội 01 lần, gồm 23 phần, hội mãn ngày 18/8/2021. Trong đó, ông C và bà D có tham gia 01 phần, đã đóng 01 kỳ, cụ thể:

+ Kỳ 01 (tháng 11/2019): 01 kỳ x 8.200.000 đồng x 01 phần = 8.200.000 đồng.

+ Kỳ 02 (tháng 12/2019), ông C và bà D hót 01 phần hội, cụ thể như sau: (8.200.000 đồng x 21 phần hội sống) + (10.000.000 đồng x 01 phần hội chết) = 182.000.000 đồng.

+ Kỳ 03 đến kỳ 23 (tháng 01/2020 đến tháng 8/2021), ông C và bà D không tiếp tục đóng hội nữa, cụ thể như sau: 10.000.000 đồng x 20 kỳ x 01 phần = 200.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà ông A và bà B đã đóng thay ông C và bà D trong các dây hội nói trên là: 140.000.000 đồng + 380.000.000 đồng + 200.000.000 đồng + 200.000.000 đồng = 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng).

Ông A, bà B đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông C và bà D thanh toán số tiền hội nói trên nhưng từ đó đến nay ông C và bà D vẫn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông A và bà B.

Nay bà Nhi đại diện cho ông A, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hội mà ông A, bà B đã đóng thay là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng) cho ông A và bà B.

Bà Nhi xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và bà Nhi xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ khác tham gia vụ án.

Ý kiến của bị đơn ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông C và bà D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Ông C và bà D chỉ xác nhận có khoản nợ vay là 1.487.794.806 đồng (một tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm lẻ sáu đồng), đã được Tòa án giải quyết và vợ chồng ông C và bà D đã trả cho ông A và bà B số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Riêng đối với khoản nợ hụi mà phía nguyên đơn yêu cầu, ông C và bà D không đồng ý vì ông C và bà D xác định không có tham gia hụi, không biết chủ hụi là ai, không có biết những người trong danh sách hụi là ai, không có đi kê hụi, không có hốt hụi, không nhận tiền hụi, cũng như không ký vào sổ hụi.

Đối với file ghi âm của nguyên đơn cung cấp, ông C xác nhận là cuộc điện thoại của chính ông C nói chuyện với bà B nhưng lúc đó ông đã say rượu, tuy nhiên ông chỉ xác nhận đối với khoản nợ vay chứ không xác nhận đối với khoản nợ hụi vì không tham gia hụi. Đối với giấy lịch ghi “*hụi tháng 11 - 2019 - 05 chẵnđến 11-2021 là hết*” ông C thừa nhận là do ông C viết tại nhà ông C nhưng lúc đó do ông say rượu và do bà B yêu cầu viết nên ông viết theo yêu cầu của bà B.

Đối với lời khai của những người làm chứng trong đó có bà Huỳnh Thị Lan H và bà Nguyễn Thị Quyên F, ông C và bà D cho rằng họ không khách quan mặc dù bà H và bà F có họ hàng dòng họ với ông C và bà D, nhưng bà H và bà F có tham gia hụi và nợ ông A và bà B nên bị mua chuộc, ông C và bà D không tham gia hụi gì với hai người này.

Ông C và bà D xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ khác tham gia vụ án.

Các tình tiết của vụ án:

Ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B ông yêu cầu vợ chồng ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D có nghĩa vụ trả cho ông A và bà B số tiền nợ hụi mà ông C và bà D sau khi hốt đã không đóng lại hụi chết mà ông A và bà B đã phải đóng thay (choàng) để duy trì các dây hụi, đảm bảo cho các thành viên còn lại, tính tới thời điểm mãn hụi là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng). Ông C và bà D không thừa nhận có tham gia góp hụi với ông A và bà B, không thừa nhận số nợ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do ông A và bà B cho rằng: Sau khi hốt hụi ông C và bà D đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên, không đóng lại hụi chết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những thành viên khác tham gia dây hụi, để đảm bảo quyền lợi cho các thành viên tham gia góp hụi và duy trì dây hụi, ông A và bà B phải đóng thay (choàng) cho ông C và bà D, nhưng ông C và bà D không trả lại cho ông A và bà B nên ông A và bà B khởi kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Toà án nhân huyện W đã căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 150, 271, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 11, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biên, phường; Điều 20 Luật phí, lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B đối với ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D về tranh chấp hui.

- Buộc ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B số tiền nợ hui mà ông C và bà D sau khi hốt không đóng lại mà ông A và bà B đã đóng thay là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng).

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D phải chịu 39.600.000 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước (chưa nộp). Hoàn trả lại cho ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B số tiền tạm ứng án phí là 19.800.000 đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) mà ông A và bà B đã nộp theo biên lai thu số 0005168 ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện W.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03/10/2022, ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm với lý do: Ông, bà không tham gia góp hui do ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B làm chủ hui nhưng tại bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông, bà phải có nghĩa vụ trả cho ông A, bà B số tiền 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng). Vì vậy, ông, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị Mỹ B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Luật sư Nguyễn Hòa Bình bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Trước đây các bên đương sự có tranh chấp với nhau về khoản nợ và đã

được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực thì ông C, bà D đã trả cho nguyên đơn hơn 01 tỷ đồng. Sau khi thẩm tra xét hỏi tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng bà B tổ chức chơi hụi nhưng không có ghi hụi, không có giao hụi; băng ghi âm không rõ ràng, trong quan hệ này bà B chơi hụi cho bà D, ông C là để trừ nợ; việc ông C viết giấy nhận hụi là quá đơn giản. Bên cạnh đó, trước đây bà B nói ông C, bà D nợ số tiền 560.000.000 đồng nhưng nay là đòi tăng lên 920.000.000 đồng là không hợp lý. Nếu ông C, bà D có chơi hụi mà sao không trừ nợ trong khi ông C, bà D còn nợ bà B và ông C, bà D đã không thừa nhận có chơi hụi ngay từ đầu.

- Bà Lâm Thị D tranh luận: Trước đây tại Tòa án cấp huyện bà Tứ Nhi từng thừa nhận rằng hụi chưa mãn, không có giấy ghi hụi, nói giao hụi tại nhà bà là không có.

- Ông Phan Hoàng C không tranh luận bổ sung.

- Bà Nguyễn Thị Huỳnh E đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Trong hồ sơ có thể hiện có 02 người làm chứng là cháu của bên bà D cũng thừa nhận rằng ông C, bà D có tham gia chơi hụi do bà B tổ chức. Trong file âm chính ông C cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi và đã hốt hụi còn nợ lại mấy trăm triệu. Trong suốt cuộc nói chuyện thể hiện trong file ghi âm ông C không phản đối việc chơi hụi khi bà B đề cập đến nhiều lần. Sở dĩ khi ông C, bà D tham gia chơi hụi mà Lê không trừ nợ là vì chỗ làm ăn lâu năm và ông C, bà D trả các khoản vay trước đây đủ. Trước đây bà B có đòi số 560.000.000 đồng là do hụi chưa mãn, nay hụi đã kết thúc nên số tiền tăng lên 920.000.000 đồng là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Ông Phan Hoàng C, bà Lâm Thị D kháng cáo không đồng ý trả cho ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị Mỹ B số tiền nợ hụi 920.000.000 đồng vì ông bà không tham gia góp hụi, không nhận tiền hụi, cũng không ký sổ hụi.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: nguyên đơn cung cấp giấy viết tay có nội dung “*Hụi tháng 11-2019 - 05 chân 10.000.000, mỗi tháng đăng là 50.000.000 triệu, đăng cho đến tháng 11 - 2021 là hết*”. Phía dưới có chữ “*Phượng – Đức*”. Và file ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông C và bà B có đoạn “*ông C: anh biết mà, có hốt hụi mấy trăm triệu.... Hụi em ghi, anh tin tưởng anh mới ghi chứ; bà B: Giấy hụi tui đưa cho chị Phượng, ông hỏi bà cất ở đâu, ông cộng lại coi; ông C: bà cất*”.

Ông C thừa nhận giấy hụi do chính ông viết và được viết tại nhà ông nhưng ông C cho rằng lúc đó ông đang say rượu và có nợ ông A, bà B nên bà B bắt ông viết theo yêu cầu của bà B. Đối với file ghi âm là do bà B gài ông vào việc có tham gia hụi nhưng ông đang say rượu tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng

minh. Hơn nữa, ông C bà D cũng thừa nhận từ năm 2015 thì hai bên có quan hệ làm ăn và vay mượn tiền nhiều lần, mỗi lần 300-500 triệu đồng nhưng hai bên tin tưởng nhau nên không làm giấy nợ, ông A bà B tự ghi vào sổ của mình sự việc diễn ra trong thời gian dài thành thói quen giữa hai bên nên việc góp hụi và góp hụi không làm giấy tờ là có cơ sở. Đồng thời những người tham gia chơi hụi cùng trong danh sách hụi gồm bà Nguyễn Thị Thanh L (Út Loan), bà Hà Ngọc M (Bác Năm), bà Võ Thị O(Thủy Tèo), bà Nguyễn Thị K (chị Châu) và bà Huỳnh Thị Lan H đều xác nhận ông C, bà D có tham gia các dây hụi do ông A, bà B là chủ thảo.

Do đó, có cơ sở xác định ông C, bà D còn nợ ông A, bà B số tiền hụi 920.000.000 đồng. Kháng cáo của ông C, bà D không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hoàng C, bà Lâm Thị D. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1 Ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện W, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B yêu cầu ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D có nghĩa vụ trả cho ông A và bà B số tiền nợ hụi mà ông C và bà D sau khi hốt hụi đã không đóng lại hụi chết mà ông A và bà B đã phải đóng thay (choàng) cho ông C và bà D để duy trì các dây hụi, đảm bảo quyền lợi cho các thành viên còn lại đến thời điểm mãn hụi (tháng 11/2021 Dương lịch) là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng). Ông C và bà D cho rằng không có tham gia các dây hụi do bà B tổ chức. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông C thừa nhận tờ giấy lịch do ông C tự ghi đưa cho bà B và ông A có nội dung “*Hụi tháng 11-2019 - 05 chân 10.000.000, mỗi tháng dăng là 50.000.000 triệu, dăng cho đến tháng 11 - 2021 là hết*”; đồng thời ông C thừa nhận giọng nói trong file ghi âm là của ông C nói chuyện với bà B có các đoạn hội thoại nội dung như sau “*Bà B: Cộng số một tỷ rưỡi, anh hốt hụi anh trả; Ông C: Hụi em ghi, anh tin tưởng anh mới ghi chứ; bà B: Giấy hụi tui đưa cho chị Phượng, ông hỏi bà cất ở đâu, ông cộng lại coi; ông C: bà cất*”. Hơn nữa, từ lời trình bày xác nhận của những người làm chứng gồm bà Nguyễn Thị Quyền F, bà Huỳnh Thị Lan H là những thành viên tham gia góp hụi chung với ông C và bà D, kết hợp với lời khai của một số thành viên góp hụi khác có tên trong danh sách hụi do Tòa án thu thập gồm bà Nguyễn Thị Thanh L (Út Loan), bà Hà Ngọc M (Bác Năm), bà Võ Thị O(Thủy Tèo), bà Nguyễn Thị K (Chị Châu) và Biên bản lấy lời khai

ngày 18/9/2022 đối với bà Huỳnh Thị Lan H. Bên cạnh đó, tại biên bản làm việc ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện W thể hiện nội dung:

Ông C trình bày: Tôi thừa nhận có viết tờ giấy tay ghi “Hụi tháng 11-2019-5 chân...”. Do một mình tôi viết, bà D không có nhà. Bà B xuống nhà nhưng vợ tôi là bà D lâu quá không về nên bà B yêu cầu tôi viết giấy nhận nợ hụi. Tôi viết, chứ tôi không biết gì về hụi. Tôi đồng ý trả cho ông A, bà B 1.231.000.000 đồng tiền vay và lãi theo quy định. Tôi không yêu cầu giám định chữ viết.

Bà D trình bày: thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông C, bổ sung thêm: Tôi không có tham gia chơi hụi từ bà B. Nhưng do tôi và bà B, ông A có làm ăn chung nên phần tiền lãi bà B nói để bà B chơi hụi dùm trả vào số tiền 1.231.000.000 đồng tôi nợ bà B. Tôi đồng ý, nhưng tôi không đi trực tiếp đến tham gia chơi hụi, không đóng hụi nên tôi không rõ về số tiền hụi. Tôi chỉ đồng ý trả cho bà B, ông A 1.231.000.000 đồng tiền vay.

[2.2] Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định, ông C, bà D đã tham gia các dây hụi do bà B tổ chức; không phải không có tham gia chơi hụi như ông C, bà D và Luật sư Bình tranh luận. Việc ông C, bà D trình bày không tham gia hụi, không biết ai tổ chức hụi, không biết những ai cùng tham gia là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Khi giao tiền hụi các bên không thể hiện bằng văn bản nhưng tại cuộc nói chuyện giữa bà B và ông C trong file ghi âm, bà B có đề cập đến việc vợ chồng ông C, bà D còn nợ hụi số tiền 920.000.000 đồng thì ông C không phản đối; đồng thời đến gần cuối cuộc nói chuyện chính ông C thừa nhận còn nợ bà B số tiền 1.300.000.000 đồng trong đó tiền lãi 300.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở khẳng định vợ chồng ông C, bà D nhận tiền hụi nhưng không đóng lại cho bà B số tiền 920.000.000 đồng.

Từ đó, kháng cáo của ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D là không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C, bà D phải phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Long An.

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, 150, 271, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự; các Điều 471, 11, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 20 Luật phí, lệ phí; khoản 2 Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B đối với ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D về tranh chấp hội.

- Buộc ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B số tiền nợ hội mà ông C và bà D sau khi hốt không đóng lại mà ông A và bà B đã đóng thay là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng).

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Buộc ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D phải liên đới chịu 39.600.000 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước (chưa nộp).

[2.2] Hoàn trả lại cho ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Mỹ B số tiền tạm ứng án phí là 19.800.000 đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) mà ông A và bà B đã nộp theo biên lai thu số 0005168 ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện W.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Phan Hoàng C và bà Lâm Thị D phải liên đới chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 600.000 đồng mà ông C, bà D tạm nộp theo biên lai thu số 0005321, số 0005322 cùng ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện W.

[4] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh